

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 7 - 2019.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Phong.

Ông Nguyễn Thành Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K; Cư trú tại: Ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- Bị đơn: Chị Võ Cao B; Cư trú tại: Ấp Mỹ H, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Võ Cao B có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đến ngày 10 tháng 9 năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Sau khi cưới anh chị chung sống tại ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T. Trong thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh chị không còn chung sống với nhau từ ngày 23 tháng 5 năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phúc A, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014 và Nguyễn Thúy A, sinh ngày 23 tháng

5 năm 2016. Cháu Nguyễn Thị Phúc A đang sống chung với anh K, cháu Nguyễn Thúy A đang sống chung với chị B.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K yêu cầu được ly hôn với chị Võ Cao B.

Về con chung: Anh K yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Phúc A, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014 đến tuổi trưởng thành, anh K không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Nguyễn Thúy A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2016 anh K đồng ý giao cho chị B trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành, anh K không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Võ Cao B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chị Võ Cao B chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn chị Võ Cao B đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng chị B vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Võ Cao B.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn

cư trú tại ấp Mỹ H, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Võ Cao B, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109, ngày 10/9/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị B.

[4] Xét lý do xin ly hôn của anh K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn anh K và chị B chung sống với nhau có 02 người con chung. Tuy nhiên, anh K và chị B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương nơi anh K và chị B sinh sống, chính quyền địa phương cho biết: Anh K và chị B có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Tòa án đã triệu tập anh K và chị B 02 lần để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị B không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ, chị B cũng không có ý kiến gì về việc anh K xin ly hôn, cho thấy chị B không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh K và chị B cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh K và chị B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phúc A, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014 và Nguyễn Thúy A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2016. Hiện nay cháu Phúc A đang sống chung với anh K, cháu Thúy A đang sống chung với chị B. Anh K yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Phúc A, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014, anh K đồng ý giao con chung Nguyễn Thúy A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2016 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh chị không còn chung sống với nhau thì cháu Phúc A do anh K nuôi dưỡng, chăm sóc gần gũi với anh K, về mặt tình cảm thì cháu Phúc A gần bó và yêu mến anh K, còn cháu Thúy A do chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, về mặt tình cảm thì cháu Thúy A gần bó và yêu mến chị B. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của 02 cháu Phúc A và Thúy A. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Phúc A cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Nguyễn Thúy A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Anh K là người không trực tiếp nuôi cháu Thúy A, nên anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở. Chị B là người không trực tiếp nuôi cháu Phúc A, nên chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh K là người có đơn xin ly hôn, anh K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Võ Cao B.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Thị Phúc A, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2014 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung Nguyễn Thúy A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2016 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003652 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn chị Võ Cao B thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Đào Thị Kiều Oanh